

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/HC-PT

Ngày: 09/3/2023

V/v: yêu cầu điều chỉnh, phê duyệt
lại phương án bồi thường, hỗ trợ khi
thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Bà Phan Thị Vân Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nhiễm, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 479/2022/HCPT ngày 05 tháng 11 năm 2022, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1266/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phan Thanh L, sinh năm 1948 và bà Lê Thị T, sinh năm 1954; cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phan Thúc Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố H; Có mặt.

2. *Người bị kiện:* UBND huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn V – Phó Chủ tịch UBND huyện T, thành phố H; Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phan Thúc Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố H; Có mặt.

- Ông Phan Thành N, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện là ông Phan Thanh L và bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 19/01/2021, vợ chồng ông L nhận được Quyết định thu hồi đất số 331/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 và Phương án bồi thường hỗ trợ số 50/PA-TCT được phê duyệt kèm theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện T thu hồi diện tích 158,7m² tại thửa số 430, tờ bản đồ số 02 tại tổ dân phố T, thị trấn M để phục vụ Dự án cải tạo đường thị trấn M, huyện T. Thửa đất này vợ chồng ông đã sử dụng xây nhà ở từ tháng 05 năm 1993. Tuy nhiên, đến ngày 20/8/1995, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 450 QSDĐ/HP-TN-MĐ-Q1 ghi thành đất nông nghiệp. Vợ chồng ông không đồng ý với Phương án bồi thường hỗ trợ số 50/PA-TCT được phê duyệt kèm theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện T bởi các lý do sau:

- Diện tích 158,7m² đất của vợ chồng ông đủ điều kiện công nhận là đất ở nhưng UBND huyện T không công nhận diện tích đất thu hồi 158,7m² là đất ở là không đúng quy định của pháp luật;

- Vợ chồng ông không đồng ý đơn giá tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố H về việc ban hành Bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H bởi Quyết định này đã hết hiệu lực vào ngày 25/9/2021 và được thay thế bởi Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND thành phố H. Phương án bồi thường hỗ trợ số 50/PA-TCT mà vợ chồng ông nhận được, giá bồi thường trong phương án căn cứ xây dựng trên Quyết định số 324 là văn bản đã hết hiệu lực và bị thay thế bởi Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND thành phố H. Khi nhà nước thu hồi đất thì vợ chồng ông và 02 người con trai Phan Thúc Đ, sinh năm 1979 và Phan Thành N, sinh năm 1985 đang ăn ở trên đất, hai người con có đủ điều kiện tách khẩu theo quy định tại Điều 25 Luật Cư trú nên phải được UBND huyện T hỗ trợ tái định cư theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện rút yêu cầu đề nghị Tòa án hủy Phương án bồi thường hỗ trợ số 50/PA-TCT ngày 19/01/2021 và Phương án bổ sung số 41/PA-TCT kèm theo Quyết định số 3308/QĐ-UBND của UBND huyện T ban hành vào ngày 26/3/2021; chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND huyện T: Điều chỉnh, phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng bổ sung tái định cư cho các ông Phan Thúc Đ và Phan Thành N và công nhận diện tích đất thu hồi 158,7m² là đất ở, bồi thường bằng giá đất ở.

Theo người đại diện hợp pháp của UBND huyện T trình bày:

- **Về trình tự, thủ tục thu hồi đất:** Dự án đầu tư cải tạo đường thị trấn M, huyện T được UBND thành phố H phê duyệt Dự án đầu tư tại Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 31/10/2017.

- Ngày 20/8/2018, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1994/QĐ-UBND về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán công trình Đầu tư đường thị trấn M, huyện T. Ngày 10/9/2019, UBND huyện T ban hành Thông báo số 322/TB-UBND về việc thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường thị trấn M, huyện T, thành phố H.

- Ngày 23/9/2020, UBND huyện T đã tổ chức họp các hộ dân có đất, tài sản trên đất nằm trong phạm vi thu hồi, giải phóng mặt bằng để công bố Thông báo số 322/TB-UBND ngày 10/9/2019 của UBND huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án; bàn giao Thông báo thu hồi đất, bàn giao Bản tự kê khai đất, tài sản trên đất đến các hộ dân thuộc chỉ giới thu hồi.

- Tổ công tác Giải phóng mặt bằng huyện T tiến hành kiểm kê đất đai, cây cối hoa màu, vật kiến trúc trên đất thu hồi của hộ ông Phan Thanh L, lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phan Thanh L; niêm yết công khai tại trụ sở UBND thị trấn M, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã và giao trực tiếp đến hộ gia đình ông L: Phương án dự thảo chi tiết và phương án dự thảo tổng hợp về bồi thường, hỗ trợ đất đai, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc; trích lục nguồn gốc đất đai; Phiếu tham gia ý kiến; xác định thời điểm sử dụng đất; các văn bản pháp lý có liên quan; đã giải quyết kiến nghị của gia đình ông Phan Thanh L liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất.

- Ngày 19/01/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 331/QĐ-UBND thu hồi 158,7m² đất nông nghiệp giao theo Quyết định số 03-QĐ/UB ngày 04/01/1994 của UBND Thành phố đối với hộ ông Phan Thanh L để thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường thị trấn M, huyện T; đất có vị trí tại thửa số 430, tờ bản đồ số 02 tại tổ dân phố T, thị trấn M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Seri G 097858, số vào sổ 450 QSDĐ/HP-TN-MĐ-Q1 được UBND huyện T cấp ngày 20/8/1995 (*thuộc thửa số 26 theo Mảnh trích đo địa chính số 06, tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng H lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/11/2018*), đồng thời ngày 19/01/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 339/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó có Phương án số 50/PA-TCT bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phan Thanh L.

- Tổ công tác Giải phóng mặt bằng Dự án đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo Phương án chi tiết của hộ gia đình ông L tại trụ sở UBND thị trấn M, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã và bàn giao trực tiếp đến hộ gia đình ông L. UBND huyện T đã mời hộ gia đình ông L nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng thực hiện Dự án nhưng hộ gia đình ông L vẫn chưa đồng ý

nhận tiền và vẫn còn ý kiến kiên nghị.

- **Về yêu cầu tái định cư của người khởi kiện:** Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất, gia đình ông Phan Thanh L có 04 nhân khẩu đang ăn ở sinh hoạt, gồm: Ông Phan Thanh L, vợ là Lê Thị T, hai con trai là Phan Thúc Đ và Phan Thành N (chưa lập gia đình riêng). Mặt khác, ông Phan Thanh L và vợ Lê Thị T còn đất ở khác trên địa bàn thị trấn M, diện tích 448m², thửa số 02, tổ dân phố Chiến Thắng được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri G 097858, số vào sổ 450 QSDĐ/HP-TN-MĐ-Q1 ngày 20/8/1995.

Hộ ông Phan Thanh L sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 06, tổ dân phố T, thị trấn M (*thuộc mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng H lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/11/2018*) diện tích 178,3m². Trong đó diện tích trong chỉ giới 121m² và diện tích ngoài chỉ giới 57,3m² có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND thị trấn M, huyện T quản lý, hộ gia đình ông L sử dụng vào mục đích làm nhà ở trước ngày 01/7/2004, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, không phù hợp với quy hoạch đất ở, không đủ điều kiện công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định tại Điều 22 Nghị Định số 43/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Hộ ông Phan Thanh L thuộc diện sử dụng đất gắn liền với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất, không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và đã có đất ở, nhà ở trên địa bàn thị trấn M, huyện T. Do đó, hộ ông Phan Thanh L không đủ điều kiện giao một lô đất có thu tiền sử dụng đất vào khu tái định cư theo quy định. Vì vậy, đề nghị của hộ ông Phan Thanh L về việc giao đất tái định cư hoặc giao đất có thu tiền cho ông Phan Thúc Đ và ông Phan Thành N (là con trai ông Phan Thanh L) là không có cơ sở.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, Quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ các Điều 62, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 79, Điều 89, Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh L và bà Lê Thị T về việc tuyên

buộc UBND huyện T điều chỉnh, phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng bổ sung tái định cư cho các ông Phan Thúc Đ, Phan Thành N và công nhận diện tích đất thu hồi 158,7m² là đất ở, bồi thường bằng giá đất ở.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hủy Phương án bồi thường hỗ trợ số 50/PA-TCT ngày 19/01/2021 và Phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 10/PA-TCT ngày 23/6/2021 của UBND huyện T, thành phố H.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/7/2022, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/11/2021, người khởi kiện gửi đơn khởi kiện yêu cầu hủy Phương án bồi thường hỗ trợ số 50/PA-TCT kèm theo Quyết định số 339/QĐ-UBND của UBND huyện T ban hành vào ngày 19/02/2021; hủy Phương án bổ sung số 41/PA-TCT kèm theo Quyết định số 3308/QĐ-UBND của UBND huyện T ban hành vào ngày 26/3/2021; đồng thời tuyên buộc UBND huyện T điều chỉnh, phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng bổ sung tái định cư cho các ông Phan Thúc Đ, Phan Thành N và công nhận diện tích đất thu hồi 158,7m² là đất ở, bồi thường bằng giá đất ở. Khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; Điều 32; khoản 1 Điều 3, Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện hủy Phương án bồi thường hỗ trợ số 50/PA-TCT ngày 19/01/2021 và Phương án bổ sung số 41/PA-TCT ban kèm theo Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND huyện T, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện là đúng pháp luật.

Mặc dù người khởi kiện không khởi kiện các quyết định hành chính có liên quan: Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc thu hồi đất; Quyết

định số 339/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường thị trấn M; Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 và số 3308/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND huyện T; tuy nhiên, đây các quyết định hành chính có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T, nên cần được xem xét theo quy định tại khoản 3 Điều 191 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Vị trí đất của hộ ông Phan Thanh L sử dụng bị thu hồi nằm trong Dự án đầu tư cải tạo đường thị trấn M, huyện T theo Quyết định số 2930/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND thành phố H và theo Quyết định số 1994/QĐ-UBND của UBND thành phố H về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán công trình Đầu tư đường thị trấn M, huyện T. Do đó, UBND huyện T ra quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phan Thanh L là đúng quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Quyết định thu hồi đất số 331/QĐ-UBND ngày 19/01/2021; Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất; các Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung vật kiến trúc số 2114/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 và số 3308/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND huyện T đã thực hiện đúng theo quy định tại từ Điều 67 đến Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[3] Về nguồn gốc sử dụng đất: Hộ ông Phan Thanh L đang sử dụng 158,7m² đất nông nghiệp tại thửa số 430, tờ bản đồ số 02 tại tổ dân phố T, thị trấn M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 450 QSD Đ/HP-TN-MĐ-Q1 do UBND huyện T cấp ngày 20/8/1995. Thửa số 430, tờ bản đồ số 02 thuộc thửa số 26, Mảnh trích đo địa chính số 06, tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế công trình xây dựng H lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/11/2018.

[4] Về phương án bồi thường, hỗ trợ và giá đất bồi thường: Theo Mảnh trích đo địa chính phục vụ thu hồi đất và theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thực hiện Dự án đầu tư cải tạo đường thị trấn M; Quyết định số 2114/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 và số 3308/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND huyện T và bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ kèm theo Quyết định của hộ ông Phan Thanh L thể hiện: Diện tích thu hồi 158,7m², bồi thường về đất 11.426.400 đồng; bồi thường cây cối hoa màu: 3.640.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc: 599.402.000 đồng + 52.866.150 đồng + 96.479.207 đồng; các khoản hỗ trợ 57.132.000 đồng. UBND huyện T đã căn cứ quy định pháp luật liên quan để thực hiện các khoản bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Phan Thanh L là có căn cứ, phù hợp với quy định.

[5] Hộ ông Phan Thanh L sử dụng thửa đất số 23, tờ bản đồ số 06, tổ dân phố T, thị trấn M (thuộc mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/500 do Công ty Cổ phần

tư vấn thiết kế công trình xây dựng H lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 23/11/2018) diện tích 178,3m². Trong đó diện tích trong chỉ giới 121m² và diện tích ngoài chỉ giới 57,3m² có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND thị trấn M, huyện T quản lý; hộ ông L sử dụng vào mục đích làm nhà ở trước ngày 01/7/2004, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, không phù hợp với quy hoạch đất ở, không đủ điều kiện công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên diện tích đất thu hồi 158,7m² không được công nhận là đất ở và không được bồi thường bằng giá đất ở.

[6] Tại thời điểm Nhà nước thu hồi đất, hộ ông Phan Thanh L đang sinh sống trên đất bị thu hồi gồm có: Ông Phan Thanh L, vợ Lê Thị T, hai con trai là Phan Thúc Đ và Phan Thành N (chưa lập gia đình riêng). Mặt khác, ông Phan Thanh L và bà Lê Thị T còn đất ở khác trên địa bàn thị trấn M, diện tích 448m², thửa số 583, tờ bản đồ số 02 thuộc Tổ dân phố Chiến Thắng, thị trấn M, huyện T; đất này được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 389241, vào sổ cấp GCN số CH01204 ngày 22/9/2017. Như vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, thì hộ ông Phan Thanh L thuộc diện sử dụng đất gắn liền với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở khi Nhà nước thu hồi đất, không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và đã có đất ở, nhà ở trên địa bàn thị trấn M, huyện T nên hộ ông Phan Thanh L không đủ điều kiện được giao một lô đất có thu tiền sử dụng đất vào khu tái định cư. Do đó, yêu cầu của ông Phan Thanh L về việc giao đất tái định cư hoặc giao đất có thu tiền cho ông Phan Thúc Đ và ông Phan Thành N là các con trai của ông Phan Thanh L là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của người khởi kiện không đồng ý đơn giá đất theo Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố H về việc ban hành Bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H vì cho rằng Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND đã hết hiệu lực vào ngày 25/9/2021 và được thay thế bởi Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND thành phố H, Hội đồng xét xử xét thấy: Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND thành phố H có hiệu lực từ ngày 20/01/2019 là quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố H. Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND trên không thay thế cho Quyết định số 2680/2014/QĐ-UBND mà quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H. Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố H quy định về bộ đơn giá vật kiến trúc; Quyết định 324/2015/QĐ-UBND đã bị thay thế bởi Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 chứ không phải

bị thay thế bởi Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND; tuy nhiên, Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND có hiệu lực từ ngày 25/9/2021. Tại thời điểm ban hành Quyết định thu hồi đất số 331/QĐ-UBND ngày 19/01/2021, Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 3308/QĐ-UBND ngày 23/6/2021 của UBND huyện T, thành phố H về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Phan Thanh L thì UBND thành phố H chưa ban hành Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 về Bộ đơn giá vật kiến trúc để thay thế cho Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND. Vì vậy, việc UBND huyện T áp dụng Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố H để bồi thường vật kiến trúc đối với hộ ông L là có căn cứ. Do đó, ý kiến của người khởi kiện về việc không đồng ý đơn giá đất tại Quyết định số 324/2015/QĐ-UBND ngày 05/02/2015 của UBND thành phố H là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[8] Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh L, bà Lê Thị T về việc: Buộc UBND huyện T điều chỉnh, phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ theo hướng bổ sung tái định cư cho các ông Phan Thúc Đ, Phan Thành N và công nhận diện tích đất thu hồi 158,7m² là đất ở, bồi thường bằng giá đất ở, là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông L, bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí: Do ông L, bà T là người cao tuổi, thuộc diện được miễn giảm án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông L, bà T theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Phan Thanh L, bà Lê Thị T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2022/HC-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phan Thanh L, bà Lê Thị T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp H;
- VKSND tp H;
- Cục THADS tp H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thúy Bình

C, c thÈm ph, n

ThÈm ph, n - chñ tQA phiªn tªa

Phan Thị Vân Hương

Nguyễn Tất Nam

Lê Thị Thúy Bình

